TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 244/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 23-10-2019
"V/v xin ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ N VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Hồng Thắm
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Chiến
Ông Huỳnh Hoàng Khởi

- Thư ký phiên toà: Ông Trần Đình Chưởng - Là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Cà Mau tham gia phiên toà: Ông Phạm Văn Đa - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 534/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 768/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Diễm T - sinh năm 1995 *(có mặt).*
Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện Đ, tỉnh Cà Mau.
2. Bị đơn: Anh Lê Trọng N - sinh năm 1992 *(có mặt).*
Địa chỉ: Ấp D, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
3. Người làm chứng:
- Chị Nguyễn Thị X - sinh năm 1980 *(xin vắng mặt).*
Địa chỉ: Ấp X, xã Lý V, thành phố C, tỉnh Cà Mau.
- Bà Đoàn Thị C1 - sinh năm 1960 *(xin vắng mặt).*
- Bà Nguyễn Thị E - sinh năm sinh năm 1979 *(xin vắng mặt).*
Cùng địa chỉ: Ấp A, xã Đ, thành phố C, Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn chị Nguyễn Diễm T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Trọng N đăng ký kết hôn năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Chị T và anh N đã sống ly thân khoảng 06 tháng. Nhận thấy cuộc sống chung không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Trọng N.

Về con chung: Chị T và anh N có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 14/02/2016. Ngày 08/3/2019 vợ chồng anh, chị cự cải dẫn đến chị T bỏ về nhà mẹ ruột ở Tắc Vân, thành phố Cà Mau sống. Khi đi chị T có dẫn theo cháu G, Sau đó khoảng 01 tuần anh N lên thăm cháu G và đưa cháu G về ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau sống chung với anh N cho đến nay. Do đó, khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có.

Bị đơn anh Lê Trọng N trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Diễm T đăng ký kết hôn năm 2005, tại Ủy ban nhân dân xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Hôn nhân tự nguyện. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, cuộc sống chung không hạnh phúc. Nay chị T khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N đồng ý.

Về con chung: Anh N và chị T có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 14/02/2016. Ngày 08/3/2019 vợ chồng anh, chị cự cải dẫn đến chị T bỏ đi về nhà mẹ ruột chị T ở. Khi đi chị T không có dẫn theo cháu G như lời trình bày của chị T. Hiện cháu G đang sống chung với anh N tại ấp Lung Dừa, xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau. Do đó, khi khi hôn anh N yêu cầu được nuôi cháu G, không đồng ý giao cháu G cho chị T nuôi. Anh N không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh N xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh N xác định không có.

Người làm chứng bà Đoàn Thị C1 trình bày:

Bà C1 là hàng xóm của mẹ chị T nên có nghe nói chị T và anh N đang mâu thuẫn, ly hôn nhau. Bà C1 không có bà con họ hàng hay mâu thuẫn gì với chị T, anh N.

Bà C1 chỉ biết chị T thường xuyên về nhà của mẹ ruột là bà Trần Bích L tại khu tập thể Tắc Vân, thành phố Cà Mau chơi, khi thì có dẫn theo con chị T là cháu G, khi thì không có. Bà C1 không xác định được sự việc chị T và anh N cự cãi với nhau vào thời gian nào, sau khi cự cải chị T có về nhà bà L hay không

hoặc có dẫn theo cháu G về nhà bà L hay không? Bà C1 chỉ thấy chị T hay về nhà bà L chơi, ngoài ra bà C1 không biết gì thêm.

Do bận công việc nên bà C1 xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, bà cam kết lời trình bày của bà là đúng sự thật.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị E trình bày:

Chị E không có bà con họ hàng, mâu thuẫn gì với chị T và anh N, chỉ là hàng xóm của mẹ chị T nên có biết việc chị T và anh N đang mâu thuẫn, ly hôn nhau.

Chị E không xác định được thời gian chị T về nhà mẹ ruột là bà Trần Bích L tại khu tập thể Tắc Vân khi nào? Khi về có dẫn theo cháu Lê Nguyễn Hồng G hay không. Có lúc chị E thấy chị T và cháu G ở nhà bà L. Chị E không xác định được vợ chồng chị T có mâu thuẫn với nhau như thế nào? sự việc chị T và anh N cự cãi với nhau vào thời gian nào, sau khi cự cải chị T có về nhà bà L hay không hoặc có dẫn theo cháu G về nhà bà L hay không. Chị E chỉ nghe chị T nói là vợ chồng chị T mâu thuẫn nên về nhà mẹ ruột sinh sống, ngoài ra chị E không biết gì thêm.

Do bận công việc nên chị E xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, chị E cam kết lời trình bày của chị là đúng sự thật.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị X trình bày:

Chị X không có bà con họ hàng và mâu thuẫn gì với vợ chồng chị T và anh N.

Vợ chồng chị T và anh N thuê nhà trọ ở cùng dãy nhà trọ với chị X nên việc chị T và anh N cự cải nhau chị X có biết. Vào ngày 08/3/2019, vợ chồng chị T, anh N xảy mâu thuẫn cự cãi, sau đó thì chị X thấy chị T dọn quần áo đi khỏi phòng trọ, còn đi đâu thì chị X không biết. Khi chị T đi thì chỉ đi một mình không có dẫn theo cháu G. Sau đó anh N dẫn cháu G đi về nhà mẹ ruột của anh N ở. Sự việc sau đó như thế nào chị X không rõ.

Do bận công việc nên chị X xin từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án, chị X cam kết lời trình bày của chị là đúng sự thật, nếu sai chị hoàn toàn chịu trách nhiệm.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm và đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Diễm T với anh Lê Trọng N. Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 14/02/2016 cho anh Lê Trọng N nuôi dưỡng, giáo dục, không đặt ra N vụ cấp dưỡng nuôi con. Chị Nguyễn Diễm T có quyền, N vụ thăm nom con chung theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người làm chứng Nguyễn Thị X, Đoàn Thị C1, Nguyễn Thị E xin vắng mặt tại phiên tòa, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 229 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với người làm chứng.

[2] Tại phiên tòa, chị T và anh N điều xác định: Mặc dù hôn nhân của anh chị là tự nguyện, có đăng ký theo quy định pháp luật, nhưng do anh chị bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện vợ chồng đã ly thân, mỗi người sống một nơi, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc. Nay chị T yêu cầu xin ly hôn với anh N, anh N đồng ý. Xét việc anh N đồng ý ly hôn với chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật, do đó Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T ly hôn với anh N.

[3] Chị T và anh N có 01 người con chung tên Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 14/02/2016. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được nuôi con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật. Anh N yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử thấy:

[4] Chị T cho rằng ngày 08/3/2019, chị T cự cải với anh N và bỏ về nhà mẹ ruột chị T là bà L ở Tắc Vân, thành phố Cà Mau. Khi đi chị T có dẫn theo cháu G, nhưng sau đó anh N lên thăm cháu G rồi chở cháu G về nhà anh N luôn cho đến nay. Việc chị T về nhà bà L dẫn theo cháu G có bà Đoàn Thị C1, Nguyễn Thị E biết và làm chứng. Xét lời trình bày của chị T là chưa đủ cơ sở chấp nhận, bởi người làm chứng là bà C1 và bà E đều cho rằng không biết rõ sự việc cự cải giữa chị T và anh N như thế nào và xảy ra vào thời gian nào, sau khi cự cải với anh Nghãi thì chị T có về nhà mẹ ruột là bà L hay không hoặc có dẫn theo cháu G hay không? Trong khi đó anh N lại xác định: Ngày 08/3/2019 vợ chồng anh, chị cự cải dẫn đến chị T bỏ đi. Khi đi chị T không có dẫn theo cháu G. Mặt khác, người làm chứng chị Nguyễn Thị X cũng xác định: Chị X ở cùng dãy nhà trọ với vợ chồng chị T và anh N, nên việc chị T và anh N cự cải nhau chị X có biết. Vào ngày 08/3/2019, vợ chồng chị T, anh N xảy mâu thuẫn cự cãi, sau đó thì chị X thấy chị T dọn quần áo đi khỏi phòng trọ, còn đi đâu thì chị X không biết. Khi chị T đi thì chỉ đi một mình không có dẫn theo cháu G.

[5] Hiện cháu G đang sống chung với anh N tại ấp Lung Dừa, xã V, thành phố C, tỉnh Cà Mau. Cháu G đang học tại Trường Mầm non Sao Mai thuộc xã V, thành phố C. Tại phiên tòa, chị T cũng xác định hiện cháu G đang sống với anh N rất tốt, phát triển bình thường, không có gì bất ổn, thu nhập bình quân của anh N mỗi tháng khoảng 9.000.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu Lê Nguyễn Hồng G cho anh Lê Trọng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để đảm bảo sự phát triển ổn định của cháu về thể chất cũng như tâm lý. Trường hợp sau này chị T phát hiện anh N không trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu G tốt, thì chị T có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người con nuôi con sau khi ly hôn theo thủ tục chung.

[6] Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao cháu G cho anh N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục là phù hợp, nhằm đảm bảo lợi ích của con chung, phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[7] Chị T, anh N xác định anh, chị không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xE xét.

[8] Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 229 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các Điều: 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Diễm T, cho chị Nguyễn Diễm T ly hôn với anh Lê Trọng N.

Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Hồng G, sinh ngày 14/02/2016 cho anh Lê Trọng N trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Không đặt ra N vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Diễm T có quyền, N vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Nguyễn Diễm T phải chịu 300.000 đồng. Ngày 17/6/2019, chị T có nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu số 0000305 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, được chuyển thu nộp ngân sách nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Hồng Thắm

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- UBND xã Lý Văn Lâm, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.